

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST

Ngày 27 - 3 - 2025

V/v: Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Trường

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/03/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992 (có mặt)

ĐKKHKT: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm 10, xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại: Phân trại số 2, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Đóng tại địa bàn: Tiểu khu TH, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2025, bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài. Anh L không quan tâm đến gia đình, vợ con và vi phạm pháp luật. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 2 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 2 con chung là Lê Mạnh H, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Thái S, sinh ngày 28/6/2016. Hiện nay 2 con đang ở với chị. Nguyên vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 05 tháng 3 năm 2025, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 6 năm 2022 anh vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 09 năm tù về tội “Giết người”. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Từ khi anh chấp hành án đến nay chỉ có gia đình bên ngoại vào thăm còn chị N chưa vào thăm anh lần nào. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị N có 2 con chung là Lê Mạnh H, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Thái S, sinh ngày 28/6/2016. Hiện nay 2 con đang ở với chị N. Nguyên vọng của chị N khi ly hôn xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Chị Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn và nuôi 2 con. Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn L có Đơn xin xét xử vắng mặt. Anh đã trình bày ý kiến tại Bản tự khai ngày 05/3/2025 nên anh không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán

được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/10/2012, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Giao 2 cháu Lê Mạnh H, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Thái S, sinh ngày 28/6/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Văn L hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an đóng tại: Tiểu khu TH, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Lê Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Lê Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay anh L đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam Thanh Phong. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh L, quan điểm của anh L cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh L là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh L có 2 con chung là Lê Mạnh H, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Thái S, sinh ngày 28/6/2016. Hiện nay 2 con đang ở với chị N. Khi ly hôn anh L đồng ý giao 2 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lê Mạnh H và Lê Thái S đều có nguyện vọng xin được ở với chị N. Hiện nay anh L đang chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 2 con cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Lê Mạnh H, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Thái S, sinh ngày 28/6/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0005428 ngày 06/02/2025. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Th, huyện S;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà